TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2024/HS-ST
Ngày 30/10/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

**** Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Hoàng Văn Thành.**
- *Các hội thẩm nhân dân:* **Bà Phạm Thị Loan**
Bà Phạm Thị Hương

**** Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** **Bà Phạm Thị Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** **Ông Chu Xuân Trường** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 94/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/HSST-QĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn P (tên gọi khác: Không), sinh năm 1997 tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nơi thường trú: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1963 và bà Vũ Thị L, sinh năm 1968.

Vợ con: Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/5/2024 đến nay tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Hiện đang tại ngoại triệu tập có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Công H, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn S, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Đinh Văn T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

3. Anh Đinh Gia T1, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, , huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa vắng mặt anh T1, anh T và anh H)

PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 7/2022 đến tháng 12/2023, P đã sử dụng nguồn tiền cá nhân để cho vay, hình thức giao và nhận tiền trực tiếp hoặc chuyển khoản qua các số tài khoản 19035761242015 và 1975998999, đều tên chủ tài khoản Nguyễn Văn P, mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần K (T2) chi nhánh T3. Các khoản vay chỉ thỏa thuận bằng miệng, không lập văn bản. Tùy vào các mối quan hệ, P đã cho 03 người vay tiền với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương đương với lãi suất 180%/năm (khi trả lãi theo tháng bằng 30 ngày) đến 182,5%/năm (khi trả lãi theo ngày), vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự (20%) 9 lần và 9,125 lần, thu lợi bất chính 58.760.733 đồng (không có lần nào thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng). Cụ thể:

- *Người quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%) từ 5,475 lần và 9,125 lần, cụ thể:- Người vay thứ 1:* Khoảng giữa tháng 7/2022, P cho anh Đinh Gia T1 vay 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, đóng lãi một tháng một lần đến khi trả gốc (một tháng tính là 30 ngày), tương đương với mức lãi suất là 180%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự 9 lần. Do chưa đủ tiền nên P đưa cho anh T1 2.000.000 đồng tiền mặt, đến ngày 29/7/2022, P chuyển khoản số tiền 3.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng A vào số tài khoản 37288018819999, chủ tài khoản Đinh Gia T1 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần H1 (M), từ thời điểm này P bắt đầu tính lãi khoản vay như đã thỏa thuận. Anh T1 đã dùng hết số tiền trên để chi tiêu cá nhân. Mỗi tháng, anh T1 đóng tiền lãi cho P là 750.000 đồng bằng hình thức dùng tài khoản ngân hàng trên của anh chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng trên của P hoặc đưa tiền mặt. Đến cuối tháng 02/2023, anh T1 trả P 5.000.000 đồng tiền gốc bằng tiền mặt, đã đóng lãi cho P 07 tháng, tổng số tiền là 5.250.000 đồng (trong đó, chuyển qua tài khoản ngân hàng 06 lần, tổng số tiền 4.500.000 đồng vào các ngày 31/8/2022, 30/9/2022, 06/11/2022, 14/12/2022, 07/01/2023 và 04/2/2023), số tiền lãi được thu theo quy định của 7 tháng là 583.333 đồng, số tiền thu lợi bất chính 4.666.667 đồng.

- *Người vay thứ 2:* Ngày 31/01/2023, P sử dụng tài khoản 19035761242015 chuyển vào số tài khoản 101877146865 mở tại Ngân hàng

C (V), chủ tài khoản Đinh Văn T, cho anh T vay 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, đóng lãi một tháng một lần đến khi trả gốc (một tháng tính là 30 ngày), tương đương với mức lãi suất là 180%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự 9 lần. Anh T đã dùng hết số tiền trên để chi tiêu cá nhân. Mỗi tháng anh T đóng tiền lãi cho P là 750.000 đồng bằng hình thức dùng tài khoản ngân hàng trên của anh chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng 1975998999 của P hoặc đưa tiền mặt. Đến tháng 11/2023, anh T trả P 5.000.000 đồng tiền gốc bằng tiền mặt, đã đóng lãi cho P 10 tháng, tổng số tiền là 7.500.000 đồng (trong đó chuyển qua tài khoản ngân hàng 08 lần, tổng số tiền 6.000.000 đồng vào các ngày 01/3/2023, 31/3/2023, 11/6/2023, 10/7/2023, 10/8/2023, 05/9/2023, 11/10/2023 và 11/11/2023), số tiền lãi được thu theo quy định của 10 tháng là 833.333 đồng, số tiền thu lợi bất chính 6.666.667 đồng.

- *Người vay thứ 3:* P cho anh Nguyễn Công H vay 03 khoản tiền, thu lợi bất chính tổng số tiền 47.427.399 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 19/3/2023, P cho anh H vay 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, đóng lãi một tháng một lần đến khi trả gốc (một tháng tính là 30 ngày), tương đương với mức lãi suất là 180%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự 9 lần, phí khoản vay là 1.000.000 đồng. Sau đó, P sử dụng tài khoản 1975998999 chuyển số tiền 19.000.000 đồng vào số tài khoản 0915844886, Ngân hàng Thương mại Cổ phần H1 (M), chủ tài khoản Nguyễn Công H. Anh H đã dùng hết số tiền trên để chi tiêu cá nhân. Mỗi tháng, anh H đóng tiền lãi cho P là 3.000.000 đồng bằng hình thức dùng tài khoản ngân hàng trên của anh chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng 1975998999 của P hoặc đưa tiền mặt. Anh H đã đóng lãi cho P 9 tháng, tổng số tiền là 27.000.000 đồng (trong đó chuyển qua tài khoản ngân hàng 08 lần, tổng số tiền 24.000.000 đồng vào các ngày 19/4/2023, 22/5/2023, 19/6/2023, 20/7/2023, 21/8/2023, 02/10/2023, 23/10/2023 và 21/11/2023), số tiền lãi được thu theo quy định của 9 tháng là 3.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 25.000.000 đồng (bao gồm phí khoản vay 1.000.000 đồng). Đến ngày 24/12/2023, anh H không còn khả năng trả nợ nên cả hai thỏa thuận P cho anh H nợ tiền gốc và không tính lãi, đến nay anh H chưa trả tiền P.

Ngày 15/6/2023, P sử dụng tài khoản 1975998999 chuyển vào số tài khoản 0915844886 cho anh H vay 30.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, đóng lãi 10 ngày một lần đến khi trả gốc, tương đương với mức lãi suất là 182,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự 9,125 lần. Anh H đã dùng hết số tiền trên để chi tiêu cá nhân.

Ngày 19/6/2023, anh H chuyển khoản trả P 30.000.000 đồng tiền gốc. Ngày 20/6/2023, anh H chuyển khoản trả Phú tiền lãi 05 ngày của khoản vay là 600.000 đồng (anh H nợ 150.000 đồng). Số tiền lãi được thu theo quy định của 05 ngày là 82.191 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 517.809 đồng.

Ngày 20/6/2023, P sử dụng tài khoản 1975998999 chuyển vào số tài khoản 0915844886 cho anh H vay 30.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, đóng lãi 10 ngày một lần đến khi trả gốc, tương đương với mức lãi suất là 182,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự 9,125 lần. Anh H đã dùng hết số tiền trên để chi tiêu cá nhân. Thời gian đầu, mỗi 10 ngày/lần, anh H đóng tiền lãi cho P 1.500.000 đồng/lần, sau đó do mất khả năng thanh toán nên anh đóng tiền lãi cho P không cố định, 10 ngày/ lần 1.500.000 đồng, 20 ngày/lần 3.000.000 đồng hoặc số khác bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng 1975998999 của P hoặc đưa tiền mặt. Anh H đã đóng lãi cho P với tổng số tiền là 25.000.000 đồng (trong đó chuyển qua tài khoản ngân hàng 13 lần, tổng số tiền 24.000.000 đồng vào các ngày 29/6/2023, 12/7/2023, 20/7/2023, 01/8/2023, 10/8/2023, 22/8/2023, 05/9/2023, 11/9/2023, 03/10/2023, 11/10/2023, 23/10/2023, 01/11/2023, 13/11/2023 và 01/12/2023). Đến ngày 24/12/2023, anh H không còn khả năng trả nợ nên cả hai thỏa thuận P cho anh nợ tiền gốc và không tính lãi, đến nay anh chưa trả tiền P. Số tiền lãi được thu theo quy định của 188 ngày là 3.090.410 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 21.909.590 đồng.

Ngày 22/4/2024, Nguyễn Văn P đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu xám, số IMEI C39QJR43GRWWF, lắp sim số 0984304321 là phương tiện P sử dụng để liên lạc với những người vay tiền để thỏa thuận việc vay tiền, lãi suất và nhắc việc trả gốc, trả lãi.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn P đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng số 98/CT-VKSQP ngày 30/9/2024 đã truy tố, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn P đã phạm tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về áp dụng điều luật và hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P số tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

+ Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo P phải nộp lại số tiền gốc đã thu của anh T1 5.000.000 đồng, anh T 5.000.000 đồng, anh H 30.000.000 đồng. Tổng là số tiền 40.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền lãi theo quy định của pháp luật đã thu của anh T1 583.333 đồng, anh T 833.333 đồng, anh H 6.172.601 đồng. Tổng là 7.339.267 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Buộc anh Nguyễn Công H phải nộp lại số tiền gốc vay của bị cáo P chưa trả là 50.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo P phải trả lại số tiền lãi thu lời bất chính cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh T1 số tiền 4.666.667 đồng, anh T số tiền 6.666.667 đồng, anh H số tiền là 47.427.399 đồng.

- Ngoài ra, còn đề nghị HĐXX xem xét về vật chứng, án phí của vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Nguyễn Văn P không nói lời sau cùng.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng đã mô tả. Phù hợp với biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử; Biên bản làm việc mở, kiểm tra điện thoại của Nguyễn Văn P; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 10 giờ 35 phút, 10 giờ 40 phút, 11 giờ ngày 22/4/2024 tại Công an huyện Q; Bản kết luận giám định số 3895/KL-KTHS ngày 03/6/2024 của V1 - Bộ C1 trích xuất, phục hồi nội

dung tin nhắn, hình ảnh, video trong điện thoại và trong các ứng dụng SMS, Z, Mesenger trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu xám đã quản lý của P (lưu trữ trong 01USB gửi kèm kết luận giám định) và biên bản làm việc kiểm tra dữ liệu trong USB gửi kèm Kết luận giám định số 3895/KL-KTHS ngày 03/6/2024 của V1 - Bộ C1 không phát hiện video, hình ảnh, nội dung, tin nhắn nào liên quan đến hành vi phạm tội; Biên bản khám xét do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 08 giờ ngày 23/4/2024 tại chỗ ở của Nguyễn Văn P ở thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình: không phát hiện, thu giữ gì; Sổ phụ kiêm phiếu báo nợ/báo có của số tài khoản 19035761242015, tên chủ tài khoản Nguyễn Văn P, mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần K chi nhánh T3 của Ngân hàng thương mại cổ phần K chi nhánh T3; Sổ phụ kiêm phiếu báo nợ/báo có của số tài khoản 1975998999, tên chủ tài khoản Nguyễn Văn P, mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần K chi nhánh T3 của Ngân hàng thương mại cổ phần K chi nhánh T3; Biên bản làm việc mở, kiểm tra điện thoại của anh Nguyễn Công H và bản ảnh kèm theo do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 15 giờ 10 phút ngày 22/4/2024 tại Công an huyện Q; Biên bản ghi lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Công H, anh Đinh Văn T, anh Đinh Gia T1 cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.1] Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 29/7/2022 đến ngày 24/12/2024, tại thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, bị cáo Nguyễn Văn P đã có hành vi sử dụng số tiền 90.000.000 đồng của P cho 03 cá nhân vay tiền, gồm các anh Đinh Gia T1, Đinh Văn T và Nguyễn Công H, với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương đương với lãi suất 180%/năm (lãi theo tháng) đến 182,5%/năm (lãi theo ngày), vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự (20%) từ 9 lần và 9,125 lần, số tiền lãi và phí thu được là 66.350.000 đồng, trong đó: Số tiền lãi được thu quy định trong Bộ luật Dân sự là 7.589.267 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 58.760.733 đồng. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Văn P đã phạm vào tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ đã truy tố là có căn cứ, đúng người đúng pháp luật.

"Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án

tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm".

[2.2] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhằm thu lợi bất chính.

[2.3] Khi xem xét, cân nhắc hình phạt cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ đối với bị cáo là phù hợp.

[2.4] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, bị cáo là lao động tự do và đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[2.5] Về biện pháp tư pháp và vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

**** Về biện pháp tư pháp:***

- Buộc bị cáo P phải nộp lại số tiền gốc đã thu của anh T1 5.000.000 đồng, anh T 5.000.000 đồng, anh H 30.000.000 đồng. Tổng là số tiền 40.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền lãi theo quy định của pháp luật đã thu của anh T1 583.333 đồng, anh T 833.333 đồng, anh H 6.172.601 đồng. Tổng là 7.339.267 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Buộc anh Nguyễn Công H phải nộp lại số tiền gốc vay của bị cáo P chưa trả là 50.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Quá trình điều tra, anh T1, anh T, anh H yêu cầu P phải trả lại số tiền lãi thu lợi bất chính nên buộc bị cáo P phải trả lại anh T1 số tiền 4.666.667 đồng, anh T số tiền 6.666.667 đồng, anh H số tiền là 47.427.399 đồng.

**** Về vật chứng:***

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu xám, số IMEI C39QJR43GRWWF, lắp sim số 0984304321 quản lý của bị cáo Nguyễn Văn P, là phương tiện P sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với xác sim số (0984304321) không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Q và Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ ngày 30/9/2024.

[4] ***Về án phí và quyền kháng cáo:***

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

2. Áp dụng điều luật và hình phạt: ***Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.***

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P số tiền 100.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp và vật chứng : Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo P phải nộp lại số tiền gốc đã thu của anh T1 5.000.000 đồng, anh T 5.000.000 đồng, anh H 30.000.000 đồng. Tổng là số tiền 40.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền lãi theo quy định của pháp luật đã thu của anh T1 583.333 đồng, anh T 833.333 đồng, anh H 6.172.601 đồng. Tổng là 7.339.267 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Buộc anh Nguyễn Công H phải nộp lại số tiền gốc vay của bị cáo P chưa trả là 50.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo P phải trả lại anh T1 số tiền 4.666.667 đồng, anh T số tiền 6.666.667 đồng, anh H số tiền là 47.427.399 đồng.

3.2. Về vật chứng:

- Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu xám, số IMEI C39QJR43GRWWF.

- Tịch thu, tiêu hủy: Xác sim số (0984304321).

Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Q và Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ ngày 30/9/2024.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/10/2024). Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *TAND tỉnh Thái Bình;*
- *Sở tư pháp Thái Bình;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *Cơ quan THADS huyện Quỳnh Phụ;*
- *Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ;*
- *Bị cáo; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Thành